TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 01/2020/DS-PT
Ngày 03 - 01 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

- Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/DS-PT ngày 09/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS - ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2019/QĐ-PT ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H; địa chỉ: 4X/X/1X đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cao Thị H; địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị N O; địa chỉ: 4X/3X/X đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn M; địa chỉ: X đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trương Thị N O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H - Người đại diện theo ủy quyền bà Cao Thị H, trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 06/7/2018, ông Nguyễn Hoàng H có cho bà Trương Thị N O vay số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay bà O có viết "Giấy vay

tiền", thời hạn vay trong vòng 01 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1000đ/1 ngày/1.000.000đ. Khi vay, bà O có tín chấp cho ông H một GCNQSDĐ số: BP 213102 do UBND thành phố B cấp ngày 30/8/2013 mang tên Đỗ Thị Kim C và ông Huỳnh Văn T, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý mang tên Lương Văn M. Quá thời hạn vay nói trên, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu bà O thanh toán nhưng bà O trốn tránh không thanh toán nợ. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà O phải thanh toán cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi suất theo pháp luật kể từ ngày khởi kiện 02/01/2019.

* Bị đơn bà Trương Thị N O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng bà O và ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết vụ án theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm: 64/2019/DS - ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 275; Điều 280; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H.

- Buộc bà Trương Thị N O có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Hoàng H tổng số tiền 1.063.910.000 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi 63.910.000 đồng tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày 23/8/2019.

Sau khi bà Trương Thị N O thanh toán hết nợ, ông Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trương Thị N O một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 213102 do UBND thành phố B cấp ngày 30/8/2013 cho hộ bà Đỗ Thị Kim C và ông Huỳnh Văn T, ông Lương Văn M nhận chuyển nhượng ngày 26/5/2017, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và một văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Lương Văn M và bên nhận tặng cho bà Trương Thị N O được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 31/8/2017, số chứng thực 94, quyển số 08/-SCT/CK,ĐC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Trương Thị N O phải chịu 4.320.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Nguyễn Hoàng H được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 4.320.000đồng sau khi thu được của bà Trương Thị N O.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị N O phải chịu 43.917.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Ông Nguyễn Hoàng H được nhận lại số tiền 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí (do bà Cao Thị H nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo Biên lai số: AA/2017/0011642 ngày 02/01/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/9/2019, bị đơn bà Trương Thị N O làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS - ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk,

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Tại "Giấy vay tiền" ngày 06/7/2018, bà Trương Thị N O có vay tiền của ông H số tiền 1.000.000.000 đồng, bên dưới nội dung vay tiền bà O có ký. Tại kết luận giám định số: 56/PC09 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận chữ ký, chữ viết "*Trương Thị N O*" trong "Giấy vay tiền" ngày 06/7/2018 so với chữ ký, chữ viết "*Trương Thị N O*" trong "Văn bản thỏa thuận" ngày 31/7/2017 là do cùng một người ký và viết ra. Việc bà O cho rằng không biết ông Nguyễn Hoàng H là ai là không có căn cứ. Bà O còn cho rằng không nhận được văn bản nào của Tòa án là không có căn cứ, theo các "Biên bản niêm yết" và "Biên bản xác minh" thì bà O vẫn có mặt tại địa phương, Biên bản niêm yết của Tòa án cấp sơ thẩm đúng theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị N O, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DSST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị N O, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Việc bà O cho rằng: Từ trước (từ khi bắt đầu khởi kiện) tới nay, bà O không hề nhận được bất cứ loại giấy tờ, thông tin, giấy triệu tập của Tòa án nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Xét thấy, theo "Biên bản xác minh" thì bà O vẫn có mặt tại địa phương. Các "Biên bản niêm yết" cùng với việc niêm yết bản án tại nhà bà O có sự chứng kiến của Tổ trưởng tổ dân phố X, phường T, thành phố B và chính quyền địa phương phường T, đúng theo quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà O đưa ra là không có căn cứ.

[2.2] Bà O cho rằng, bà không biết ông Nguyễn Hoàng H là ai và không vay tiền của ông H. Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy: Ngày 06/7/2018, bà O có viết "Giấy vay tiền", có tín chấp cho ông H một GCNQSDĐ số: BP 213102 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 30/8/2013 mang tên Đỗ Thị Kim C và ông Huỳnh Văn T. Ngày 26/5/2017 nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý mang tên Lương Văn M, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 19 ở phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và một văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lương Văn M với bà Trương Thị N O được công chứng ngày 31/8/2017. Tại "**Kết luận giám định**" số: 56/PC09 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận chữ ký, chữ viết "*Trương Thị N O*" trong "*Giấy vay tiền*" ngày 06/7/2018 so với chữ ký, chữ viết "*Trương Thị N O*" trong "*Văn bản thỏa thuận về việc tặng cho Quyền sử dụng đất*" ngày 31/8/2017 là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, bà O có vay tiền của ông Nguyễn Hoàng H. Do đó, kháng cáo của bà Trương Thị N O không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS - ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Trương Thị N O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 274, Điều 275; Điều 280; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Thị N O.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS - ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H.

Buộc bà Trương Thị N O phải trả cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền 1.063.910.000 đồng *(Một tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm mười ngàn đồng)*; trong đó: Gốc 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* và lãi 63.910.000 (*Sáu mươi ba triệu, chín trăm mười ngàn đồng)* đồng tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày 23/8/2019.

Sau khi bà Trương Thị N O thanh toán hết nợ, ông Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm giao trả lại cho bà Trương Thị N O một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 213102 cấp ngày 30/8/2013 mang tên Đỗ Thị Kim C và ông Huỳnh Văn T, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý mang tên Lương Văn M, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và một văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Lương Văn M và bên nhận tặng cho bà Trương Thị N O được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 31/8/2017, số chứng thực 94, quyển số 08/-SCT/CK,ĐC.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về lãi suất thì quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Trương Thị N O phải chịu 4.320.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Nguyễn Hoàng H được nhận lại 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Trương Thị N O.

3. Về án phí:

3.1. Về án dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị N O phải chịu 43.917.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền 21.000.000 đồng (do bà Cao Thị H nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo Biên lai số: AA/2017/0011642 ngày 02/01/2019.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị N O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số: AA/2019/0004852 ngày 25/9/2019.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Tùng

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đăk Lăk;
-TAND TP. BMT;
-CCTHADS TP. BMT;
-Các đương sự;
-……
-Lưu.